

ENGLISH - UNIT 11:

TRAVELLING IN THE FUTURE A CLOSER LOOK 2

- scooter	(n): xe hăy
- solowheel /'səʊ.ləʊ/	(n): pt tự hành cá nhân 1 bánh
- petrol-powered car	(n): xe chạy bằng xăng
- driverless /'draɪ.və.ləs/	(adj): không người lái
- parking place	(n): nơi đỗ xe
- possible	(adj): có thể
- appear	(v): xuất hiện
- disappear	(v): biến mất
- sail	(v): lướt buồm
- means of transport	(n): phương tiện vận chuyển